

Số: 1022/BC-SNN

Trà Vinh, ngày 28 tháng 10 năm 2021

BÁO CÁO

Tình hình hoạt động tháng 10 và kế hoạch công tác tháng 11 năm 2021

I. TÌNH HÌNH CHUNG

Tình hình sản xuất nông nghiệp trên địa bàn tỉnh có một số thuận lợi như mưa nhiều trên diện rộng, nguồn nước ngọt đáp ứng được nhu cầu sản xuất và dân sinh, thời tiết tương đối thuận lợi cho phát triển sản xuất nông nghiệp, các loại bệnh nguy hiểm trên cây trồng, thủy sản nuôi cơ bản được kiểm soát; giá một số loại nông sản tăng như: Tôm sú, tôm thẻ, cua biển, dưa khô, rau màu,...; Tuy nhiên, cũng gặp một số khó khăn như dịch bệnh Viêm da nổi cục trên đàn bò và Dịch tả heo Châu Phi trên đàn heo làm giá giảm mạnh ảnh hưởng rất lớn về kinh tế của người dân đặc biệt trong khu phong tỏa dịch Covid-19 nên rất khó khăn cho việc tái đàn trong thời gian tới, đồng thời ảnh hưởng đến tốc độ phát triển sản xuất của ngành nông nghiệp. Nhưng với sự chỉ đạo của các ngành, các cấp và sự vượt khó của người dân nên tình hình sản xuất nông nghiệp của tỉnh đạt một số kết quả như sau:

II. KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC

1. Công tác tham mưu, chỉ đạo điều hành

Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh: trình Bộ Nông nghiệp và PTNT⁽¹⁾; trình HĐND tỉnh ban hành 02 Nghị quyết⁽²⁾; đang thực hiện quy trình xây dựng 01 Nghị quyết⁽³⁾.

Trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành 04 quyết định⁽⁴⁾; 01 Kế hoạch⁽⁵⁾; Ủy ban nhân dân tỉnh thông báo lịch mùa vụ thả nuôi các đối tượng thủy sản mùa vụ 2021 – 2022 tại Công văn số 4657/UBND ngày 30/9/2021.

(1) Tờ trình về việc đấu giá chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản Cảng cá Láng Chim

(2) Nghị quyết Quy định giá cụ thể sản phẩm dịch vụ công ích thủy lợi năm 2021 trên địa bàn tỉnh; nghị quyết quy định số lượng, một số chế độ, chính sách đối với nhân viên thú y xã, phường, thị trấn.

(3) Nghị quyết quy định khu vực không được phép chăn nuôi; vùng nuôi chim yến và chính sách hỗ trợ di dời.

(4) Dự thảo Quyết định: Thay thế Quyết định số 2324/QĐ-UBND ngày 03/12/2013 của Chủ tịch UBND về việc ban hành quy chế phối hợp quản lý, khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh Trà Vinh; Sửa đổi, bổ sung điều 3 quy định tiêu chí đặc thù và quy trình xét duyệt hồ sơ đề nghị cấp văn bản chấp thuận đóng mới, cải hoán, thuê mua tàu cá trên biển; kết thúc Đề án 11/ĐA.SNN ngày 12/11/2008 của Sở Nông nghiệp và PTNT; Ban hành định mức kinh tế kỹ thuật trong quản lý, khai thác công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh Trà Vinh

(5) số 84/KH-UBND ngày 20/9/2021 Kế hoạch trồng rừng, trồng cây phân tán giai đoạn 2021-2025

Đang trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành: 04 Quyết định⁽⁶⁾, 06 Kế hoạch và 01 Phương án⁽⁷⁾; đang hoàn chỉnh 02 Đề án⁽⁸⁾

Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo địa phương tăng cường siết chặt kiểm tra bảo đảm tàu cá phải gắn thiết bị giám sát hành trình theo Luật Thủy sản trước khi ra khơi khai thác thủy sản.

Thành lập Tổ Công tác làm việc với Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố về đánh giá kết quả thực hiện các chỉ tiêu, nhiệm vụ năm 2021 lĩnh vực Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. Chỉ đạo xử lý, dập dịch bệnh viêm da nổi cục trên bò và Dịch tả heo Châu Phi tại các huyện trên địa bàn tỉnh; đề xuất lại Dự án phát triển cơ sở hạ tầng thiết yếu hỗ trợ chuyển đổi nông nghiệp thích ứng với biến đổi khí hậu vùng ven biển đồng bằng sông Cửu Long, tại tỉnh Trà Vinh (vốn vay ADB) và dự án chống chịu khí hậu tổng hợp và chuyển đổi sinh kế vùng đồng bằng sông Cửu Long phát triển bền vững và thịnh vượng, tại tỉnh Trà Vinh (vốn vay WB); tiếp nhận 4.300 phần quà (tương đương 283,8 triệu đồng) từ Tổ Công tác 970 và bàn giao cho các khu cách ly tập trung tại các huyện trên địa bàn tỉnh.

2. Kết quả sản xuất nông, lâm, diêm nghiệp, thủy sản và phát triển nông thôn

a) Trồng trọt và bảo vệ thực vật

Cây hàng năm: Gieo trồng 23.252 ha, thu hoạch 49.424 ha; lũy kế đến nay gieo trồng 255.693 ha, vượt 3,94% kế hoạch, cao hơn cùng kỳ 5.915 ha; thu hoạch 172.186 ha, cụ thể:

- Cây lúa: Gieo sạ 21.657 ha, thu hoạch 47.629 ha; lũy kế đến nay gieo sạ 208.981 ha, vượt 7,53% kế hoạch, cao hơn cùng kỳ 7.572 ha; thu hoạch 133.735 ha, chiếm 64% diện tích xuống giống, sản lượng 762.354 tấn, đạt 70,29% kế hoạch, tăng 187.227 tấn so cùng kỳ, cụ thể:

+ Thu hoạch dứt điểm vụ Mùa, Đông Xuân và Hè Thu, diện tích 133.735 ha, chiếm 99,91% diện tích xuống giống (vụ Hè Thu bị thiệt hại đầu vụ làm mất trắng 20,6 ha), năng suất trung bình 5,7 tấn/ha (cao hơn cùng kỳ 0,75 tấn/ha), sản lượng 762.354 tấn, cao hơn cùng kỳ 187.227 tấn.

+ Vụ Thu Đông: Xuống giống 20.599 ha, lũy kế đến nay xuống giống dứt điểm 75.128 ha, vượt 7,33% kế hoạch, cao hơn cùng kỳ 10.177 ha. Các giai đoạn sinh trưởng gồm: Mạ 936 ha, đẻ nhánh 43.613 ha, đòng trổ 30.258 ha, chín 321 ha. Diện tích nhiễm sâu bệnh 1.880 ha, gồm: Bệnh đạo ôn lá 1.656 ha (tỷ lệ phổ biến 5-10%) tập trung ở tất cả các xã của huyện Tiểu Cần, Trà Cú, Châu Thành, Cầu Ngang,

(6) Thay thế Quyết định số 2324/QĐ-UBND ngày 03/12/2013 của Chủ tịch UBND về việc ban hành quy chế phối hợp quản lý, khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh; sửa đổi, bổ sung Điều 3 quy định tiêu chí đặc thù và quy trình xét duyệt hồ sơ đề nghị cấp văn bản chấp thuận đóng mới, cải hoán, thuê mua tàu cá trên biển; kết thúc Đề án 11/ĐA.SNN ngày 12/11/2008 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; ban hành định mức kinh tế kỹ thuật trong quản lý, khai thác công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh.

(7) Phê duyệt Kế hoạch thực hiện Đề án Nâng cao nhận thức cộng đồng và quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng giai đoạn 2021-2025; phê duyệt kế hoạch Phòng, chống thiên tai trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021 – 2025; kế hoạch hành động thực hiện Chiến lược phát triển thủy sản tỉnh Trà Vinh đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; kế hoạch hành động quản lý rác thải nhựa đại dương ngành thủy sản giai đoạn 2020-2030 trên địa bàn tỉnh; kế hoạch phòng chống thiên tai năm 2021; kế hoạch phòng, chống dịch bệnh trên cây trồng, vật nuôi, thủy sản và lâm nghiệp năm 2022. Phương án ứng phó thiên tai theo cấp độ rủi ro thiên tai trên địa bàn tỉnh.

(8) Đề án rà soát hệ thống công trình thủy lợi phục vụ phân vùng sản xuất nông nghiệp trên địa bàn tỉnh trong điều kiện biến đổi khí hậu; đề án rà soát, đánh giá nguồn lợi thủy sản trên địa bàn tỉnh.

xã Đôn Xuân (huyện Duyên Hải) và xã Nhị Long, Đức Mỹ (huyện Càng Long), trong đó có 18 ha tỷ lệ bệnh từ 20-30% tại một số xã của huyện Trà Cú, đã thông báo hướng dẫn nông dân phòng trị; chuột 144 ha (tỷ lệ 5-10%) ở xã Nhị Trường, Trường Thọ, Hiệp Hòa, Kim Hòa (huyện Cầu Ngang); xã Song Lộc, Hòa Lợi, Phước Hảo (huyện Châu Thành); xã Bình Phú (huyện Càng Long); bệnh bạc lá 60 ha (tỷ lệ 10-20%), ở xã Phú Cần (huyện Tiểu Cần); (xã Nhị Long, Mỹ Cẩm (huyện Càng Long); sâu cuốn lá 20 ha (mật số 50-100 con/m²) ở xã Phước Hảo (huyện Châu Thành). Ngoài ra, còn xuất hiện một số đối tượng gây hại khác như rầy nâu, sâu cuốn lá, sâu đục thân,... nhưng với tỷ lệ và mật số thấp.

- Cây màu, cây công nghiệp ngắn ngày và cây hàng năm khác: Gieo trồng 2.653 ha, lũy kế đến nay gieo trồng 46.711 ha, đạt 90,44% kế hoạch, thấp hơn cùng kỳ 1.657 ha, gồm: Màu lương thực 5.516 ha, màu thực phẩm 28.638 ha, cây công nghiệp ngắn ngày và cây hàng năm khác 12.557 ha.

- Theo dõi hệ thống giám sát côn trùng thông minh và các điểm dự báo sâu bệnh trên cây lúa và các loại cây trồng khác; phát hành 01 thông báo tình hình sâu, bệnh hại lúa vụ Thu Đông, sâu đầu đen hại dừa gửi các địa phương để có kế hoạch phòng trị; kết hợp địa phương tuyên truyền, hướng dẫn nông dân xuống giống dứt điểm vụ lúa Thu Đông theo lịch thời vụ; tổ chức điều tra, tổng hợp giá thành sản xuất lúa vụ Hè Thu; kết hợp Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành phun xịt sâu xanh gây hại trên cây Dầu, cây Sao tại khu vực chùa Hang, Trường Dân tộc nội trú và Trường Trung học cơ sở thị trấn Châu Thành, diện tích 5 ha (riêng khu vực Trường Dân tộc nội trú do cây quá cao không phun được); hiệu quả sau đối với các cây có chiều cao dưới 7- 8m, đạt trên 80%, các cây có chiều cao trên 8m phun không tới. Tổ chức cấp thuốc lần 2 (do Công ty hỗ trợ) phòng trừ sâu đầu đen hại dừa tại xã Tân Hòa, huyện Tiểu Cần, diện tích 2,7 ha; Phun xịt 03 đợt với 17,1 lít thuốc diệt sâu đạt hiệu quả sau khi phun mật số sâu giảm còn 1-2 con/tàu dừa và một vài nhộng; tổ chức điều tra sâu đầu đen tại một số xã của huyện Càng Long, Cầu Kè, Châu Thành, Trà Cú, kết quả chưa phát hiện sâu đầu đen tại các địa phương trên. Thẩm định, cấp 05 giấy chứng nhận đủ điều kiện mua bán phân bón, thuốc bảo vệ thực vật; lũy kế đến nay thẩm định, cấp 50 giấy chứng nhận đủ điều kiện mua bán phân bón, thuốc bảo vệ thực vật.

b) Chăn nuôi, thú y

Đàn vật nuôi đến nay như sau: Đàn bò 215.650 con, đạt 98% kế hoạch (tăng 2.100 con so cùng kỳ); đàn heo 190.860 con, đạt 86,75% kế hoạch (tăng 36.640 con); đàn dê 20.860 con, đạt 94,8% kế hoạch (tăng 2.690 con); đàn gia cầm 6,33 triệu con, đạt 84,3% kế hoạch (giảm 1,4 triệu con so cùng kỳ) *do ảnh hưởng dịch Covid-19 và dịch bệnh Viêm da nổi cục, Dịch tả heo Châu Phi giá các loại gia súc giảm nên các hộ chăn nuôi hạn chế tái đàn nên tổng đàn giảm*).

Bệnh cúm gia cầm và bệnh lở mồm long móng cơ bản được kiểm soát.

Trong tháng bệnh Viêm da nổi cục (VDNC) tiếp tục phát sinh thêm 1.396 hộ, số bò có biểu hiện của triệu chứng bệnh 2.458 con/tổng đàn 7.414 con; đến ngày 17/10/2021, dịch bệnh đã lây lan sang 1.716 hộ, với 246 ấp, khóm của 57/106 xã, phường, thị trấn thuộc 7/9 huyện, thị xã, thành phố (còn lại huyện Càng Long, Tiểu Cần chưa phát sinh dịch bệnh); tổng số bò có biểu hiện của triệu chứng bệnh

3.034 con/tổng đàn 9.440 con; đã tiêu hủy 410 con, với tổng trọng lượng tiêu hủy 79.023,9 kg.

Bệnh Dịch tả heo Châu Phi (DTHCP) từ ngày 29/9/2021 đến nay ngày 17/10/2021 dịch bệnh DTHCP đã xảy ra tại 19 hộ, 14 ấp của 10 xã, của 04 huyện (Cầu Kè, Cầu Ngang, Duyên Hải và Càng Long), với tổng đàn 487 con; nghi, mắc bệnh 221 con, chết 52 con; tiêu hủy 430 con, trọng lượng heo tiêu hủy 28.599 kg.

Ngày 05/10/2021, xác minh trường hợp chó cắn người, ở ấp Bàu Sơn, xã Đa Lộc, huyện Châu Thành; tổng đàn chó nuôi 03 con, mắc bệnh, chết 01 con (chết ngày 05/10/2021, hộ kể bên nhà đã làm thịt ăn), ngày phát bệnh 03/10/2021, ngày báo bệnh 05/10/2021 (con chó đã chết trước khi đến xác minh, nên không lấy mẫu xét nghiệm); trước khi chết con chó đã cắn 03 người trong xóm (03 người này đã đến Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh để tiêm ngừa bệnh Dại và kháng huyết thanh Dại theo quy định đến nay sức khỏe bình thường).

Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh công bố dịch bệnh trên địa bàn tỉnh; thành lập các tổ công tác hỗ trợ địa phương xử lý các ổ dịch và phòng, chống dịch bệnh; thực hiện tiêu độc khử trùng; đã cấp 150 ngàn liều vắc-xin phòng bệnh VDNC cho các địa phương để tiêm phòng khẩn cấp và 13.766 lít hóa chất, kết quả đã tiêm phòng được 147.493 con bò, sử dụng 10.333 lít thuốc sát trùng phun xịt cho 225.177 hộ chăn nuôi.

Vận động các hộ chăn nuôi tiêm phòng: Cúm gia cầm 109,7 ngàn con; LMLM 2,24 ngàn con gia súc; Dại chó 196 liều; Tai xanh heo 220 liều, các loại bệnh thông thường khác trên đàn gia súc 50,8 ngàn liều ngàn liều và các loại bệnh thông thường khác trên đàn gia cầm 390,3 triệu liều. Kiểm dịch xuất, nhập tỉnh 38.174 con heo; 85 con bò; 260 ngàn con gia cầm và 243,5 tấn sản phẩm động vật. Nâng tổng số đến nay đã vận các hộ chăn nuôi tiêm phòng: Cúm gia cầm 1,62 triệu con, đạt 22% tổng đàn; LMLM 95 ngàn con gia súc, đạt 24,79% tổng đàn; Dại chó 15,14 ngàn liều, đạt 9,26% tổng đàn; Tai xanh heo 4,61 ngàn liều, các loại bệnh thông thường khác trên đàn gia súc 460,6 ngàn liều và các loại bệnh thông thường khác trên đàn gia cầm 2,7 triệu liều. Kiểm dịch xuất, nhập tỉnh 202,49 ngàn con heo; 14,02 ngàn con bò; 1,56 triệu con gia cầm và 804,3 tấn sản phẩm động vật.

c) Lâm nghiệp:

Triển khai trồng rừng thay thế tại khu vực Cồn Hô, xã Đức Mỹ, huyện Càng Long, diện tích 3,08 ha; phối hợp trồng 4,5 ha rừng tập trung; tổ chức 69 lượt tuần tra bảo vệ rừng phát hiện 01 trường hợp vi phạm; cấp 06 bằng kê xuất bán động vật hoang dã; khảo sát địa bàn bố trí trồng rừng thay thế khi chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác trên địa bàn huyện Cầu Kè; hoàn chỉnh bản đồ giao khoán bảo vệ rừng năm 2022. Nâng tổng số đến nay trồng 48 ha rừng tập trung, đạt 76,19% kế hoạch; chăm sóc 282,714 ha rừng, đạt 91,2% kế hoạch; khoán bảo vệ rừng 3.290 ha, đạt 100% kế hoạch; tổ chức 1.037 lượt tuần tra bảo vệ rừng, phát hiện và xử lý 20 trường hợp vi phạm theo qui định; cấp 28 mã số cho cơ sở gây nuôi động vật hoang dã và 27 bằng kê xuất bán động vật hoang dã; tổ chức 16 cuộc tuyên truyền phổ biến pháp luật về bảo vệ và phát triển rừng, phòng cháy rừng và các văn bản liên quan Luật Lâm nghiệp với 320 người dự

d) Thủy sản: Trong tháng thu hoạch 19.574 tấn (sản lượng nuôi 14.360 tấn, sản lượng khai thác 5.214 tấn). Nâng tổng số đến nay thu hoạch 186.423 tấn (sản

lượng nuôi 127.405 tấn, sản lượng khai thác 59.018 tấn), đạt 78,46% kế hoạch, thấp hơn cùng kỳ 12.094 tấn, cụ thể:

- Nuôi trồng thủy sản: Thả nuôi 1.641 ha, thu hoạch 14.360 tấn. Nâng tổng số đến nay thả nuôi 54.608 ha, thu hoạch 127.405 tấn (39.415 tấn cá lóc, 11.715 tấn tôm sú, 52.395 tấn tôm thẻ chân trắng,...), đạt 80,53% kế hoạch, thấp hơn cùng kỳ 6.762 tấn, trong đó:

+ Vùng nước mặn, lợ: Thả nuôi 18,2 triệu con tôm sú giống, diện tích 94,6 ha; 194,4 triệu con tôm thẻ chân trắng, diện tích 339 ha; 3,15 triệu con cua biển, diện tích 864 ha; thu hoạch 8.190 tấn. Nâng tổng số đến nay thả nuôi 1,36 tỷ con tôm sú giống, diện tích 21.791 ha; 4,56 tỷ con tôm thẻ chân trắng, diện tích 7.167 ha; 154,7 triệu con cua biển, diện tích 21.735 ha; thu hoạch 71.836 tấn (cao hơn cùng kỳ 1.186 tấn). Tuy nhiên, do đầu vụ, môi trường ao nuôi chưa ổn định, chênh lệch nhiệt độ giữa ngày và đêm lớn, làm cho 191,9 triệu con tôm sú (chiếm 14% lượng con giống thả nuôi), diện tích 1.181 ha (chiếm 5,4% diện tích thả nuôi) và 547 triệu con tôm thẻ chân trắng (chiếm 12% lượng con giống thả nuôi), diện tích 891 ha (chiếm 12,4% diện tích thả nuôi) mới thả nuôi bị thiệt hại, chủ yếu là do bệnh đốm trắng, hoại tử gan tụy và vi bào tử trùng.

+ Vùng nước ngọt: Thả nuôi 36,5 triệu con tôm, cá giống các loại, diện tích 343,5 ha, thu hoạch 6.169 tấn. Nâng tổng số đến nay thả nuôi 355,8 triệu con tôm, cá giống các loại, diện tích 3.443 ha (cá lóc 238,8 triệu con, diện tích 494 ha); thu hoạch 55.570 tấn (thấp hơn cùng kỳ 7.947 tấn).

Kiểm dịch 104,7 tỷ con tôm giống (75,39 triệu con tôm thẻ chân trắng, 29,38 triệu con tôm sú). Nâng tổng số đến nay kiểm dịch 1,252 tỷ con tôm giống (1,163 tỷ con tôm thẻ chân trắng, 89,28 triệu con tôm sú).

- Thủy sản khai thác: Toàn tỉnh 1.139 tàu cá được đăng ký, tổng công suất 150.197 CV, giảm 614 CV (240 tàu có chiều dài từ 15 m trở lên), ngành phối hợp với Bộ đội Biên phòng tỉnh hỗ trợ ngư dân lắp đặt thiết bị giám sát hành trình cho 193 tàu cá (183 tàu cá chiều dài 15m đến dưới 24m, 10 tàu có chiều dài 24m trở lên); cấp phát, hướng dẫn ghi nhật ký khai thác 176 tàu cá, góp phần đưa sản lượng khai thác đạt 5.214 tấn (387 tấn tôm), trong đó: Khai thác nội đồng 383 tấn (29 tấn tôm), khai thác hải sản 4.830 tấn (358 tấn tôm). Nâng tổng sản lượng đến nay khai thác 10 tháng đầu năm đạt 59.018 tấn (4.952 tấn tôm), đạt 74,35% kế hoạch, thấp hơn cùng kỳ 5.333 tấn, trong đó: Khai thác nội đồng 5.830 tấn (640 tấn tôm) giảm 13,7% (hay giảm 927 tấn). Do lượng nước trong nội đồng thấp, ảnh hưởng đến khả năng sinh sản và phát triển các loài thủy sản nên sản lượng nội đồng giảm; khai thác hải sản 53.188 tấn (4.312 tấn tôm) giảm 7,65% (hay giảm 4.406 tấn so cùng kỳ). Do giá nhiên liệu tăng và ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19 nên số lượng tàu ra khơi không nhiều, sản lượng khai thác hải sản giảm so cùng kỳ.

- Thu mua, chế biến: Đến nay các doanh nghiệp thu mua 3.563 tấn tôm (tôm sú 69 tấn, tôm thẻ 3.493 tấn), chế biến 3.416 tấn, tiêu thụ 1.859 tấn, kim ngạch xuất khẩu 20,9 triệu USD.

e) Phát triển nông thôn

Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới:

- Ban Chỉ đạo các huyện, thị xã, thành phố lồng ghép, tuyên truyền 2.124 cuộc, 37.820 lượt người dự; công nhận 2.029 hộ, 04 ấp đạt nông thôn mới. Lũy kế

đến nay có 212.906 hộ đạt chuẩn gia đình văn hóa, nông thôn mới, chiếm 92,13% số hộ phát động; 600 ấp đạt chuẩn ấp văn hoá, ấp nông thôn mới, chiếm 93,6%, (trong đó có 05 ấp nông thôn mới kiểu mẫu (ấp Nhứt xã Tân Hùng, ấp Đại Mông xã Phú Cần, ấp 2 xã Thạnh Phú; ấp Đồng Điền xã Ninh Thới và ấp Giồng Giếng, xã Long Toàn)).

- Kết quả thực hiện nhóm tiêu chí: Có 01 xã đạt 19/19 tiêu chí, lũy kế đến nay có 73/85 xã đạt 19/19 tiêu chí, chiếm 85,9%; 12 xã còn lại, trong đó có 07 xã đạt từ 15 tiêu chí trở lên, chiếm tỷ lệ 8,2% và 05 xã đạt từ 10 - 14 tiêu chí, chiếm tỷ lệ 5,9%); 05 đơn vị cấp huyện (Tiểu Cần, Cầu Kè, Càng Long, thị xã Duyên Hải và thành phố Trà Vinh) được Thủ tướng Chính phủ công nhận đạt chuẩn và hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới; hiện có 02 xã (Long Đức và Phú Cần) đang triển khai xây dựng xã NTM kiểu mẫu, dự kiến đạt cuối năm 2021. Huyện Châu Thành đạt 9/9 tiêu chí huyện nông thôn mới; 11 xã được công nhận xã nông thôn mới nâng cao (Long Đức, thành phố Trà Vinh; xã Tân Hùng, Phú Cần, Tân Hòa huyện Tiểu Cần; Mỹ Long Bắc, Mỹ Long Nam, huyện Cầu Ngang; Thạnh Phú, Ninh Thới, huyện Cầu Kè; An Trường, Nhị Long Phú, huyện Càng Long và xã Long Vĩnh, huyện Duyên Hải).

Chương trình giảm nghèo và Chương trình OCOP:

- Triển khai thực hiện phương án thu hồi vốn thuộc dự án hỗ trợ Phát triển sản xuất và đa dạng hóa sinh kế các xã ngoài Chương trình 30a, Chương trình 135 (xã Hiệp Mỹ Tây, huyện Cầu Ngang); Phối hợp với UBND xã Nguyệt Hóa huyện Châu Thành khảo sát Cơ sở sản xuất bánh tráng ấp Bến Có, xã Nguyệt Hóa để xem xét tham mưu trình UBND tỉnh công nhận làng nghề năm 2021.

- Chương trình OCOP: Đang tổng hợp danh sách đề nghị chấm điểm sản phẩm OCOP của các huyện, thị xã, thành phố năm 2021; tiếp tục phối hợp với địa phương về việc khảo sát, đánh giá hỗ trợ Cửa hàng OCOP và phối hợp với Đài Phát thanh và Truyền hình Trà Vinh ghi hình và đưa phóng sự Câu chuyện sản phẩm OCOP để hoàn chỉnh thủ tục hỗ trợ vốn theo Điều 6 Nghị quyết 03 HĐND (Chính sách hỗ trợ cơ sở tham gia Chương trình OCOP năm 2021 (250 triệu đồng)).

Trình Ủy ban nhân dân tỉnh xin không thực hiện xây dựng đề án hỗ trợ phát triển ngành nghề nông thôn giai đoạn 2021-2025; xây dựng dự toán vốn CTMT bổ sung Chương trình OCOP 50 triệu đồng; Hoàn thành văn bản đăng ký mô hình thí điểm sản phẩm OCOP về dịch vụ du lịch cộng đồng giai đoạn 2021-2025 (theo chỉ đạo của Trung ương).

Kinh tế hợp tác: Từ đầu năm đến nay hỗ trợ thành lập mới 09 hợp tác xã nông nghiệp và 01 liên hiệp hợp tác xã lúa gạo. Đến nay, trên địa bàn tỉnh có 126 HTX nông nghiệp và 01 liên hiệp HTX. Hiện tại trên địa bàn tỉnh có 1.791 THT nông nghiệp với 32.603 tổ viên (bình quân có khoảng 18-20 thành viên/tổ); xây dựng kế hoạch nâng chất tiêu chí cho 13 HTX kiểu mới và nhân rộng mô hình giai đoạn 2021 – 2025; tham mưu trình UBND tỉnh phê duyệt Đề án phát triển HTX gắn với chuỗi giá trị trên địa bàn tỉnh; theo dõi, hỗ trợ triển khai Nghị quyết số 78/2018/NQ-HĐND ngày 07/12/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh đối với 03 dự án trên địa bàn huyện Cầu Kè.

Bố trí dân cư: Theo dõi tiến độ thi công 02 dự án Di dân sạt lở xã Đại Phước, huyện Càng Long và dự án Di dân sạt lở ấp Cồn Phụng, xã Long Hòa, huyện Châu

Thành. Báo cáo Bộ Nông nghiệp và PTNT về tổng kết 7 năm thực hiện chính sách về di dân, tái định cư dự án thủy lợi trên địa bàn tỉnh.

Chương trình nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn: Hỗ trợ lắp đặt đồng hồ nước trên địa bàn huyện Cầu Ngang từ nguồn kinh phí của Tổ chức SPIR: Đã ký thỏa thuận thống nhất phương án thực hiện dự án, Trung tâm nước sạch và VSMTNT sẽ ký hợp đồng trực tiếp với Tổ chức SPIR để thực hiện dự án (kinh phí 1,65 tỷ đồng); công trình nâng cấp, mở rộng trạm cấp nước xã Hiệp Hòa, huyện Cầu Ngang đã thực hiện hoàn thành, giải ngân 100%; nguồn vốn MTTQ Việt Nam tỉnh triển khai lắp đặt 629 đồng hồ nước cho hộ nghèo, gia đình chính sách bị ảnh hưởng do hạn hán, xâm nhập mặn (phần bổ sung). Thực hiện giảm 10% giá nước sạch sinh hoạt từ tháng 8/2021 đến tháng 10/2021; lắp đặt cho 200 hộ sử dụng nước máy, nâng tổng số đến nay đã cung cấp cho 146.663 hộ sử dụng nước máy.

4. Kết quả thực hiện công tác chuyên ngành

a) Công tác thủy lợi và phòng chống thiên tai

Phối hợp với Công ty TNHH MTV Quản lý khai thác công trình thủy lợi kiểm tra, vận hành, công điều tiết nước phục vụ sản xuất. Tham mưu theo dõi, đôn đốc các Sở, ban, ngành và địa phương thực hiện Kế hoạch số 58/KH-UBND ngày 29/11/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh về công tác phòng, chống thiên tai.

Công trình khắc phục khẩn cấp tình trạng sụp lún, hư hỏng đê bao Xẻo Ngây ven sông Hậu, khóm IV, thị trấn Cầu Quan, huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh; Công trình khắc phục sạt lở khẩn cấp đê bao ven sông hậu ấp Xoài Rùm, xã Kim Sơn, huyện Trà Cú; Công trình nâng cấp, sửa chữa cầu Xếp Phụng qua đê Hữu sông Cổ Chiên, xã Hòa Minh, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh: Công trình khắc phục sụp lún 13 vị trí mái kè bảo vệ đoạn xung yếu bờ biển xã Hiệp Thạnh, thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh: Nghiệm thu hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng công trình. Đề án rà soát hệ thống công trình thủy lợi phục vụ phân vùng sản xuất nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Trà Vinh trong điều kiện biến đổi khí hậu. Tiến độ thực hiện đạt 98% theo hợp đồng (đã hoàn thành dự thảo); kế hoạch phòng, chống thiên tai trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021-2025 (nhà thầu đang thực hiện lập thủ tục nghiệm thu).

Tổ chức trực ban phòng chống thiên tai và theo dõi chặt chẽ tình hình các tuyến đê, kè bảo vệ bờ biển để tham mưu, đề xuất xử lý kịp thời. Tổ chức 06 đợt kiểm tra tình hình an toàn các tuyến đê, kè, các công trình qua đê, phát hiện 07 trường hợp vi phạm hành lang bảo vệ đê điều đã lập biên bản xử lý, đồng thời chủ hộ cam kết sẽ tự di dời và không yêu cầu bồi hoàn khi nhà nước có nhu cầu giải phóng mặt bằng để phục vụ công tác duy tu, bảo dưỡng đê điều. Nâng tổng số đến nay tổ chức 115 đợt kiểm tra tình hình an toàn các tuyến đê, kè, các công trình qua đê, phát hiện 33 trường hợp vi phạm hành lang bảo vệ đê điều đã lập biên bản xử lý, đồng thời chủ hộ cam kết sẽ tự di dời và không yêu cầu bồi hoàn khi nhà nước có nhu cầu giải phóng mặt bằng để phục vụ công tác duy tu, bảo dưỡng đê điều.

Theo dõi, tổng hợp số liệu đóng góp Quỹ phòng, chống thiên tai năm 2021: Kết quả đến ngày 15/10 lũy kế đăng nộp Quỹ phòng chống thiên tai năm 2021 trên địa bàn tỉnh: 4.123/15.863 tỷ đồng, đạt 25,99% so Kế hoạch được duyệt.

**** Tình hình thiệt hại:***

Tình hình thiệt hại từ ngày 11 - 14/10/2021, do ảnh hưởng của mưa, kết hợp với gió mạnh kèm theo lốc xoáy đã làm thiệt hại 03 căn nhà ở (sập hoàn toàn) của

người dân trên địa bàn các huyện Trà Cú và Duyên Hải, Ước thiệt hại khoảng 130 triệu đồng. Ngành phối hợp với địa phương hỗ trợ người dân khắc phục hậu quả do thiên tai gây ra.

b) Công tác xây dựng cơ bản: Tiếp tục theo dõi và triển khai thực hiện 31 dự án chuyển tiếp từ năm 2020 sang, gồm: 01 công trình phục vụ nuôi thủy sản, 14 công trình đê kè, 16 công trình dân dụng; ước giải ngân đến 08/10 là 329,9 tỷ đồng, đạt 55% kế hoạch vốn phân bổ (bổ sung vốn).

c) Công tác quản lý chất lượng vật tư nông nghiệp, an toàn thực phẩm (ATTP), quản lý tàu cá, cảng cá và thanh tra, kiểm tra.

Quản lý chất lượng vật tư nông nghiệp, ATTP: Hướng dẫn, tiếp nhận 04 cơ sở ký bản cam kết sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản an toàn; tổ chức 05 lớp tập huấn, triển khai các quy định pháp luật về công tác quản lý ATTP, thẩm định điều kiện bảo đảm ATTP 11 cơ sở (09 cơ sở loại A, 02 cơ sở loại B); thu 73 mẫu (30 mẫu thủy sản, 43 mẫu nông sản) phân tích chỉ tiêu ATTP. Nâng tổng số đến nay hướng dẫn, tiếp nhận 20 cơ sở ký bản cam kết sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản an toàn; tổ chức 06 lớp tập huấn, triển khai các quy định pháp luật về công tác quản lý ATTP, thẩm định điều kiện bảo đảm ATTP 90 cơ sở (37 cơ sở loại A, 50 cơ sở loại B, 03 cơ sở ngưng hoạt động); cấp 29 giấy chứng nhận đủ điều kiện ATTP; 07 giấy chứng nhận xuất xứ nguyên thể hai mảnh vỏ và 10 giấy xác nhận kiến thức về ATTP; thu 351 mẫu (198 mẫu thủy sản, 153 mẫu nông sản) phân tích chỉ tiêu ATTP. Tuyên truyền, vận động 04 cơ sở tham gia xác nhận chuỗi cung ứng thực phẩm an toàn trên địa bàn thị xã Duyên Hải và huyện Trà Cú.

Quản lý tàu cá, cảng cá: Cấp 06 giấy phép khai thác thủy sản, 05 giấy chứng nhận nguồn gốc thủy sản khai thác, sản lượng 44 tấn; tổ chức thu dịch vụ sử dụng cảng 848 lượt tàu, xe ra vào cảng, bốc dỡ 4.394 tấn hàng hoá và cho thuê mặt bằng, dịch vụ cảng với số tiền 84,2 triệu đồng. Kết hợp Bộ đội Biên phòng tỉnh và địa phương đảm bảo an ninh trật tự khu vực Cảng cá Láng Chim và Cảng cá Định An; chuẩn bị tốt nhất các điều kiện, sẵn sàng hỗ trợ ngư dân đưa tàu về nơi neo đậu an toàn khi xảy ra mưa bão; hướng dẫn 13 tàu được lắp đặt thiết bị giám sát hành trình (12 tàu cá chiều dài 15m đến dưới 24m, 01 tàu có chiều dài trên 24m). Nâng tổng số đến nay đã cấp 423 giấy phép khai thác thủy sản, 68 giấy chứng nhận nguồn gốc thủy sản khai thác, sản lượng 654 tấn; tổ chức thu dịch vụ sử dụng cảng 9.630 lượt tàu, xe ra vào cảng, bốc dỡ 9.924 tấn hàng hoá và cho thuê mặt bằng, dịch vụ cảng với số tiền 1,19 tỷ đồng. Kết hợp Bộ đội Biên phòng tỉnh và địa phương đảm bảo an ninh trật tự khu vực Cảng cá Láng Chim và Cảng cá Định An; chuẩn bị tốt nhất các điều kiện, sẵn sàng hỗ trợ ngư dân đưa tàu về nơi neo đậu an toàn khi xảy ra mưa bão; hướng dẫn 193 tàu được lắp đặt thiết bị giám sát hành trình (183 tàu cá chiều dài 15m đến dưới 24m, 10 tàu có chiều dài trên 24m)

Công tác thanh tra, kiểm tra: Tổ chức thanh tra, kiểm tra việc chấp hành các quy định của pháp luật về vật tư nông nghiệp đối với 89 cơ sở kinh doanh ATTP, phân bón, thuốc BVTV, thức ăn và sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản và tuân tra, kiểm tra rừng, kiểm soát lâm sản; thu 08 mẫu vật tư nông nghiệp, thực phẩm; phát hiện, xử lý 07 trường hợp theo quy định. Nâng tổng số đến nay tổ chức thanh tra, kiểm tra việc chấp hành các quy định của pháp luật về vật tư nông nghiệp đối với 1.350 cơ sở kinh doanh ATTP, phân bón, thuốc BVTV, thức ăn và sản

phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản và tuần tra, kiểm tra rừng, kiểm soát lâm sản; thu 238 mẫu vật tư nông nghiệp, thực phẩm; phát hiện, xử lý 78 trường hợp theo quy định.

d) Công tác khuyến nông và công tác giống

Công tác khuyến nông:

- Trong tháng tổ chức 75 lớp về kỹ thuật trồng trọt, chăn nuôi, thủy sản và giải pháp phòng chống dịch bệnh Viêm da nổi cục trên trâu, bò cho 1.495 lượt người dự; tư vấn 379 lượt hộ bằng điện thoại thông qua các mạng xã hội như: Zalo, Facebook, mail; 01 cuộc Hội thảo “Mô hình Nuôi tôm thẻ chân trắng thâm canh 2 giai đoạn ứng dụng công nghệ 4.0 kết hợp hầm Biogas xử lý môi trường) tại huyện Cầu Ngang; 01 cuộc tọa đàm “Quản lý sâu bệnh trên cây lúa và sâu đầu đen gây hại trên cây dứa”. Nâng tổng số từ đầu năm tổ chức 197 lớp tập huấn kỹ thuật về trồng trọt, chăn nuôi, thủy sản gồm các nội dung: Kỹ thuật canh tác lúa và quản lý phòng trừ sâu bệnh trong canh tác lúa vụ Đông - Xuân, kỹ thuật trồng rau màu theo hướng an toàn, trồng ớt chỉ thiên, trồng hành tím, dưa hấu, trồng đậu phộng; kỹ thuật chăn nuôi và phòng bệnh viêm da nổi cục trên bò, nuôi và phòng trị bệnh trên bò, dê; kỹ thuật nuôi tôm sú, nuôi tôm thẻ chân trắng, nuôi cá nước ngọt, nuôi ốc bươu đen cho 5.155 lượt người dự; tư vấn trực tiếp 8.814 lượt hộ về kỹ thuật trồng trọt, chăn nuôi và thủy sản; kết hợp Đài Phát thanh - Truyền hình thực hiện 02 phóng sự; 05 cuộc tọa đàm; 01 cuộc Hội thảo; cấp phát 9.658 tờ bướm kỹ thuật các loại; triển khai thực hiện 13 mô hình trình diễn từ nguồn vốn sự nghiệp, Trung tâm Khuyến nông Quốc gia và các nguồn vốn kết hợp. Xây dựng Đề án thực nghiệm nuôi, trồng các giống mới trên địa bàn tỉnh trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt và Dự thảo Chương trình đẩy mạnh cơ giới hóa đồng bộ trong nông nghiệp và thúc đẩy công nghiệp chế biến trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2022-2025 định hướng đến năm 2030.

Công tác giống:

- Giống cây trồng: Tiếp tục phối hợp thực hiện đề tài “*Chuyển giao tiến bộ kỹ thuật và xây dựng mô hình nhân giống cam sành không hạt chất lượng cao*” hiện đang chăm sóc cây gốc ghép vô bầu, cây phát triển tốt; chăm sóc cây quýt đường S0 từ Viện cây ăn quả, phát triển tốt; Sản xuất bán 100 kg bưởi, 800 trái dứa, cung ứng 4.164 cây giống các loại. Sản xuất bán 1,2 tấn bưởi, 7.300 trái dứa, 31 tấn lúa. Cung cấp 13 tấn lúa giống, 32.591 cây giống các loại.

- Giống thủy sản: Nghiệm thu Đề tài “*Xây dựng qui trình sản xuất giống cua biển tại tỉnh Trà Vinh*”. Xuất bán 400.000 spost tôm càng xanh toàn đực, nâng tổng số đến nay xuất bán 4,08 triệu spost tôm càng xanh toàn đực, 5,62 triệu con post tôm sú.

6. Những tồn tại, hạn chế và nguyên nhân

Do ảnh hưởng của dịch bệnh Viêm da nổi cục và bệnh Dịch tả heo Châu Phi làm cho giá sản phẩm giảm mạnh, người dân sản xuất không có lời nên hạn chế tái sản xuất nên đàn gia súc giảm mạnh.

Một số địa phương chưa thực hiện tốt công tác phòng chống dịch bệnh, để phát sinh dịch bệnh nguy hiểm trong chăn nuôi và lây lan ra diện rộng ảnh hưởng đến tình hình phát triển đàn vật nuôi, đặc biệt là bệnh Viêm da nổi cục và Dịch tả heo Châu Phi trên đàn gia súc.

Tỷ lệ tiêm phòng cho đàn vật nuôi đạt thấp, chưa bảo hộ được đàn vật nuôi, mầm bệnh tồn lưu ngoài môi trường là những điều kiện thuận lợi để dịch bệnh phát sinh; môi trường ao nuôi tôm chưa ổn định, chênh lệch nhiệt độ giữa ngày và đêm lớn làm ảnh hưởng đến sức khỏe tôm nuôi, tạo điều kiện thuận lợi cho dịch bệnh phát sinh.

Công tác vận động ngư dân lắp đặt, vận hành thiết bị giám sát hành trình (VMS) đạt hiệu quả chưa cao, chưa thực hiện nghiêm các chế tài buộc ngư dân phải thực hiện theo đúng quy định trong khai thác hải sản.

Chất lượng xây dựng nông thôn mới có nâng lên nhưng chưa thật sự bền vững, tiến độ thực hiện huyện nông thôn mới theo kế hoạch còn chậm; Trung ương phê duyệt Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 trên nên một số công trình chưa được phân bổ vốn để thực hiện gây khó khăn cho các xã đăng ký đạt chuẩn NTM năm 2021.

II. KẾ HOẠCH CÔNG TÁC THÁNG 11

1. Công tác tham mưu chỉ đạo điều hành:

Tham mưu UBND tỉnh ban hành 01 Quyết định⁽⁹⁾; 01 chương trình⁽¹⁰⁾; 01 Kế hoạch⁽¹¹⁾ và phê duyệt đề cương, nhiệm vụ dự toán 05 Đề án⁽¹²⁾.

Hoàn chỉnh thông qua Hội đồng thẩm định Đề án Điều tra, đánh giá nguồn lợi thủy sản trên địa bàn tỉnh và Đề án rà soát hệ thống công trình thủy lợi phục vụ phân vùng sản xuất nông nghiệp trên địa bàn tỉnh trong điều kiện biến đổi khí hậu, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

Ngành xây dựng và ban hành 03 báo cáo chuyên đề⁽¹³⁾.

2. Chỉ đạo sản xuất nông, lâm, thủy sản và phát triển nông thôn

2.1. Trồng trọt và bảo vệ thực vật

Tăng cường công tác dự tính, dự báo sâu bệnh trên các loại cây trồng, nhất là bệnh đạo ôn hại lúa, rầy nâu gổl lúa từ vụ Thu Đông và Mùa qua Đông Xuân kịp thời thông báo, hướng dẫn nông dân phòng trị hiệu quả, không để ảnh hưởng đến năng suất; kết hợp địa phương tuyên truyền, hướng dẫn nông dân vệ sinh đồng ruộng và tập trung xuống giống lúa vụ Đông Xuân 2021 - 2022 theo khung lịch thời vụ; chuẩn bị kế hoạch phòng, chống hạn, mặn mùa khô 2021-2022. Kết hợp Công ty TNHH MTV quản lý khai thác công trình thủy lợi vận hành công, điều tiết nước phục vụ điều tiết nước phục vụ sản xuất và dân sinh. Tiếp tục khuyến cáo nông dân chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa và chuyển đổi diện tích đất trồng lúa sang các loại cây trồng khác theo Kế hoạch số 32/KH-UBND ngày 23/4/2021; hỗ trợ các HTX xây dựng dự án liên kết sản xuất, đồng thời tiếp tục mời gọi các công ty, doanh nghiệp tham gia liên kết, tiêu thụ sản phẩm trên các loại cây trồng.

⁽⁹⁾Ban hành Quy chế phối hợp trong quản lý khai thác, bảo vệ công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh Trà Vinh

⁽¹⁰⁾Phê duyệt chương trình thu hút đầu tư chuỗi giá trị nông nghiệp, thủy sản và hỗ trợ phát triển kinh tế hợp tác

⁽¹¹⁾Phê duyệt Kế hoạch hành động Chiến lược phát triển thủy sản tỉnh Trà Vinh đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045

⁽¹²⁾ Phê duyệt Đề cương dự toán 05 Đề án trồng trọt, chăn nuôi, thủy sản, lâm nghiệp và công nghệ cao.

⁽¹³⁾ Báo cáo tổng kết 7 năm thực hiện chính sách về di dân, tái định cư dự án thủy lợi trên địa bàn tỉnh; Báo cáo về việc quản lý, sử dụng bãi sông trên địa bàn tỉnh bảo đảm tuân thủ quy định pháp luật về đề điều và phòng, chống thiên tai; Báo cáo tổng kết năm 2021 và kế hoạch năm 2022 của ngành

Kết hợp thống kê rà soát thống nhất diện tích, năng suất sản lượng các loại cây màu, cây công nghiệp ngắn ngày và cây hàng năm khác vụ mùa, đồng thời triển khai kế hoạch xuống giống cây màu vụ Đông Xuân năm 2021, nhất là các loại cây màu phục vụ Tết nguyên đán, quan tâm phát triển diện tích màu theo hướng hữu cơ, an toàn; khuyến khích nông dân chuyển sang trồng màu ở những vùng khó khăn trong sản xuất lúa vụ Đông Xuân.

Tiếp tục điều tra, khảo sát tình hình sâu đầu đen hại dừa tại các địa phương còn lại; theo dõi, hướng dẫn xử lý sâu xanh ăn lá cây dâu, cây sao tại khu vực chùa Hang huyện Châu Thành; tổ chức 60 lớp tập huấn phòng trừ sâu bệnh trên các loại cây trồng; 10 lớp sản xuất rau an toàn và 07 cuộc khám bệnh lưu động trên địa bàn các huyện. Triển khai công tác tập huấn và thu gom rác thải bảo vệ thực vật theo kế hoạch.

2.2. Chăn nuôi và thú y:

Tiếp tục triển khai thực hiện tốt Kế hoạch phòng, chống dịch bệnh năm 2021 đặc biệt là xử lý, khống chế triệt để dịch bệnh VDNC và Dịch tả heo Châu Phi; giám sát tình hình dịch bệnh và tuyên truyền sâu rộng về nguy cơ bùng phát dịch bệnh truyền nhiễm nguy hiểm trên đàn gia súc, gia cầm, đặc biệt là thời điểm giao mùa và thời điểm cuối năm; phối hợp với địa phương giám sát tình hình phòng, chống bệnh LMLM gia súc, DTHCP, VDNC và Cúm gia cầm để có hướng xử lý kịp thời; vận động các hộ chăn chủ động tiêm phòng cho đàn vật nuôi để bảo hộ cho đàn vật nuôi và thực hiện tiêu độc khử trùng theo quy định để ổn định phát triển sản xuất; tổ chức tuyên truyền, tập huấn phòng, chống dịch bệnh gia súc, gia cầm và thủy sản.

Đẩy mạnh cơ cấu lại ngành chăn nuôi theo hướng tăng tỷ trọng các loài nuôi có giá trị kinh tế, dễ tiêu thụ, có thị trường ổn định để nâng cao thu nhập cho người chăn nuôi, đảm bảo cho ngành chăn nuôi phát triển ổn định; thực hiện các giải pháp đẩy mạnh tái đàn heo; tiếp tục triển khai Kế hoạch phát triển chăn nuôi trên địa bàn tỉnh, giai đoạn 2021 - 2030 và định hướng đến năm 2045; tăng cường công tác quản lý Nhà nước về heo đực giống để nâng cao chất lượng đàn heo của tỉnh và quản lý chăn nuôi.

Phát triển chăn nuôi theo quy mô trang trại, duy trì chăn nuôi nông hộ theo hình thức hữu cơ truyền thống; phát triển chăn nuôi tập trung an toàn sinh học, an toàn dịch bệnh và bảo vệ môi trường; khuyến khích tổ chức sản xuất khép kín, liên kết giữa các khâu trong chuỗi giá trị để cắt giảm chi phí, tăng hiệu quả và giá trị gia tăng.

Quản lý chặt chẽ các cơ sở sản xuất, kinh doanh, buôn bán và sử dụng thuốc thú y, kịp thời ngăn chặn, không để xảy ra tình trạng lạm dụng thuốc kháng sinh và các chất tăng trọng trong chăn nuôi; kiểm soát việc mua, bán con giống và tăng cường kiểm soát giết mổ tại các cơ sở giết mổ tập trung, kiểm dịch động vật và sản phẩm động vật xuất nhập tỉnh.

2.3. Thủy sản

Tiếp tục phân công cán bộ chuyên môn theo dõi địa bàn các xã để tư vấn, hỗ trợ kỹ thuật nuôi trực tuyến cho người nuôi thủy sản ở các vùng trọng điểm và hướng dẫn người nuôi tiếp tục thả nuôi thủy sản theo lịch thời vụ thả nuôi một số đối tượng thủy sản trên địa bàn tỉnh mùa vụ năm 2020-2021, đồng thời tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành lịch thời vụ thả nuôi một số đối tượng thủy sản mùa vụ năm 2021-

2022. Phát triển các vùng nuôi thủy sản thâm canh ứng dụng công nghệ cao, nuôi an toàn sinh học, bảo vệ môi trường sinh thái. Tăng cường công tác giám sát và kiểm soát dịch bệnh của các loài thủy sản nuôi; quản lý tốt vùng nuôi hạn chế đến mức thấp nhất ô nhiễm môi trường; kiểm soát, giám sát và quản lý tốt chất lượng con giống, thức ăn, hóa chất, thuốc thú y thủy sản và những tác động của sản xuất đến môi trường để có những giải pháp khắc phục kịp thời.

Triển khai nhanh việc yêu cầu ngư dân lắp đặt, vận hành thiết bị giám sát hành trình (VMS) theo quy định; rà soát, loại khỏi danh sách các tài, thuyền không lắp đặt thiết bị giám sát hành trình đối với những tàu, thuyền không còn khả năng đánh bắt thủy, hải sản; trình phê duyệt Đề án Điều tra, đánh giá nguồn lợi thủy sản trên địa bàn tỉnh Trà Vinh làm cơ sở cho việc xác định hạn ngạch cấp giấy phép khai thác hải sản nhằm giải quyết dứt điểm việc gỡ “Thẻ vàng” của EC.

2.4. Lâm nghiệp

Tiếp tục triển khai thực hiện công tác trồng rừng, chăm sóc và khoán bảo vệ rừng theo kế hoạch được phê duyệt; tham mưu trình UBND tỉnh cho chủ trương thực hiện Dự án Đầu tư trồng rừng phòng hộ ven biển ứng phó biến đổi khí hậu tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2021-2025 và chủ trương thực hiện Dự án trồng rừng thay thế diện tích rừng chuyển sang mục đích sử dụng khác trên địa bàn tỉnh; khảo sát địa bàn bố trí trồng rừng thay thế khi chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác.

Tăng cường công tác tuyên truyền, tập huấn về phòng cháy, chữa cháy rừng, Luật Lâm nghiệp và các văn bản có liên quan cho các tổ chức, cá nhân nhận khoán, cộng đồng dân cư sống gần rừng nâng cao ý thức về vai trò, tầm quan trọng và lợi ích của rừng; tăng cường tuần tra bảo vệ rừng, kiểm soát lâm sản và quản lý động vật hoang dã, ngăn chặn và xử lý kịp thời các trường hợp vi phạm. Quản lý, sử dụng bền vững, hiệu quả rừng phòng hộ; bảo tồn đa dạng sinh học, bảo vệ cảnh quan, môi trường sinh thái; phát triển mô hình nông, lâm, ngư kết hợp; xây dựng phương án phòng cháy chữa cháy rừng mùa khô năm 2021-2022.

2.5. Phát triển nông thôn

Xây dựng nông thôn mới: Tham mưu tổ chức triển khai tốt kế hoạch xây dựng nông thôn mới năm 2021; tổ chức bỏ phiếu công nhận và thẩm định xã nông thôn mới và xã nông thôn mới nâng cao. Thực hiện có hiệu quả chương trình phát triển du lịch nông thôn, giữ gìn và phát huy các giá trị văn hóa trong chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới 2021-2025. Thực hiện Chương trình chuyển đổi số trong xây dựng nông thôn mới, hướng tới nông thôn mới thông minh giai đoạn 2021-2025.

Phối hợp các sở, ban ngành và địa phương tổ chức kiểm tra, đánh giá tình hình thực hiện xây dựng NTM đối với tất cả các xã, huyện đăng ký đạt các chuẩn theo kế hoạch năm 2021 để có biện pháp hỗ trợ kịp thời nhằm thực hiện đạt chỉ tiêu đề ra.

Kinh tế hợp tác: Tiếp tục tổ chức tập huấn thành lập mới và củng cố HTX nông nghiệp; tuyên truyền bảo hiểm nông nghiệp; Xây dựng kế hoạch triển khai Đề án phát triển HTX gắn với chuỗi giá trị trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021-2025 và định hướng đến năm 2030; tiếp tục hỗ trợ nâng chất tiêu chí cho 13 HTX kiểu mới. Triển khai thực hiện Kế hoạch số 78/KH-UBND ngày 07/9/2021 của UBND

tính về triển khai thực hiện Đề án lựa chọn, hoàn thiện, nhân rộng mô hình HTX kiểu mới hiệu quả trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021-2025 trong lĩnh vực nông nghiệp và PTNT; tiếp tục theo dõi hỗ trợ liên kết tiêu thụ theo Nghị định 98/2018/NĐ-CP của Chính phủ.

Chương trình OCOP và phát triển ngành nghề nông thôn: Tham mưu Hội đồng cấp tỉnh họp Chấm điểm sản phẩm OCOP, tổng hợp điểm lập báo cáo kết quả Chấm điểm sản phẩm; trình UBND tỉnh công nhận kết quả đánh giá, phân hạng sản phẩm Chương trình OCOP năm 2021. Xây dựng Đề án Chương trình OCOP giai đoạn 2021 – 2025.

Nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn: Tiếp tục rà soát mạng lưới cấp nước sạch nông thôn, đề xuất mở rộng tuyến ống cung cấp nước sạch cho người dân; nguồn vốn MTTQ Việt Nam tỉnh hoàn thành việc lắp đặt 629 đồng hồ nước cho hộ nghèo, gia đình chính sách bị ảnh hưởng do hạn hán, xâm nhập mặn (phần bổ sung); duy trì hoạt động và khai thác 121 trạm cấp nước hiện có, lắp mới đồng hồ nước cho khoảng 600 hộ. Tiếp tục thực hiện các bước cổ phần hoá Trung tâm Nước sạch và VSMTNT theo lộ trình đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

IV. CÔNG TÁC CHUYÊN MÔN

Tiếp tục tổ chức tập huấn chuyển giao khoa học kỹ thuật trên các lĩnh vực trồng trọt, chăn nuôi, thủy sản và phòng chống hạn, mặn đạt theo chỉ tiêu kế hoạch giao; theo dõi các mô hình đã triển khai, đồng thời tổ chức hội thảo tổng kết, đánh giá mô hình; phối hợp Đài Phát thanh - Truyền hình Trà Vinh thực hiện các phóng sự, tọa đàm, chuyên mục và bản tin thời sự về công tác khuyến nông. Kết hợp dự án ICSSL các mô hình trình diễn và tập huấn nhân rộng; hoàn chỉnh, trình phê duyệt Chương trình đẩy mạnh cơ giới hóa đồng bộ trong nông nghiệp và thúc đẩy công nghiệp chế biến trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030.

Thường xuyên kiểm tra các tuyến đê, kè bảo vệ bờ biển để tham mưu, đề xuất xử lý kịp thời trong mùa mưa bão và triều cường; tổ chức trực phòng, chống thiên tai. Hoàn chỉnh Đề án rà soát hệ thống công trình thủy lợi phục vụ phân vùng sản xuất nông nghiệp trên địa bàn tỉnh trong điều kiện biến đổi khí hậu; tổ chức tập huấn công tác phòng chống thiên tai hỗ trợ các xã đăng ký đạt chuẩn nông thôn mới và nông thôn mới nâng cao 2021; xây dựng kế hoạch phòng chống khô hạn, xâm nhập mặn mùa khô năm 2021-2022.

Tập trung triển khai, kiểm tra, giám sát và đẩy nhanh tiến độ thi công các công trình thủy lợi phục vụ sản xuất thuộc nguồn vốn phân bổ năm 2021 và vốn kết dư năm 2020 chuyển sang. Đồng thời, triển khai thực hiện nhanh các công trình thủy lợi thuộc nguồn vốn cấp bù thủy lợi phí năm 2021.

Tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả Quyết định số 2903/QĐ-UBND ngày 07/8/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt Chương trình Quản lý chất lượng, ATTP nông sản, thủy sản giai đoạn 2021-2025; đẩy mạnh xây dựng các chuỗi cung ứng thực phẩm an toàn; tổ chức tập huấn kiến thức quản lý an toàn thực phẩm nông lâm thủy sản; thực hiện thanh, kiểm tra chuyên ngành ATTP, đồng thời thu mẫu sản phẩm để phân tích, kiểm nghiệm các chỉ tiêu chất lượng và ATTP; thẩm định điều kiện ATTP và xác nhận kiến thức ATTP cho các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản đăng ký; thực hiện Chương trình giám sát dư lượng chất độc hại trong động vật và sản phẩm động vật thủy sản nuôi trên

địa bàn tỉnh; thu mẫu kiểm soát ATTP trong sản phẩm nông sản, thủy sản và thông báo kết quả giám sát ATTP; hướng dẫn việc thực hiện các tiêu chí ATTP đối với các xã đăng ký nông thôn mới và nông thôn mới nâng cao năm 2021.

Tiếp tục sản xuất, điều tiết và cung ứng giống cây trồng, giống vật nuôi đảm bảo chất lượng cung ứng cho nông dân trên địa bàn tỉnh.

Quản lý tốt tàu thuyền và xe ra vào cảng cá, đồng thời tổ chức thu dịch vụ sử dụng cảng đúng qui định; phối hợp các địa phương theo dõi diễn biến thời tiết biển thông tin kịp thời cho ngư dân trong việc phòng, tránh trú bão.

Tổ chức thanh tra, kiểm tra việc chấp hành các quy định của pháp luật về sản xuất, kinh doanh vật tư nông nghiệp, an toàn thực phẩm, kiểm soát giết mổ, kiểm dịch động vật, các hộ kinh doanh, buôn bán gỗ và các lâm sản khác, kết hợp thu các mẫu sản phẩm, hàng hóa để phân tích, kiểm tra chất lượng; tăng cường công tác phối hợp với Công an tỉnh, Bộ đội Biên phòng tỉnh, Sở Y Tế, Sở Công Thương, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Khoa học và Công nghệ trong công tác thanh tra chuyên ngành. Thực hiện đồng bộ các giải pháp nâng cao hiệu quả công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo; thực hiện nghiêm trách nhiệm tiếp công dân của người đứng đầu. Tiếp nhận, giải quyết kịp thời và công khai kết quả giải quyết phản ánh, kiến nghị của người dân và doanh nghiệp.

Trên đây là kết quả thực hiện nhiệm vụ tháng 10 và phương hướng nhiệm vụ tháng 11 năm 2021 của ngành, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn yêu cầu các phòng, đơn vị trực thuộc Sở, phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn các huyện, phòng Kinh tế thị xã, thành phố căn cứ chức năng, nhiệm vụ xây dựng kế hoạch cụ thể cho đơn vị, địa phương mình, tổ chức quán triệt trong nội bộ và tập trung chỉ đạo triển khai thực hiện để đạt kết quả cao nhất./.

Nơi nhận:

- TT. Tỉnh ủy;
- TT. HĐND tỉnh;
- Bộ NN và PTNT;
- Chủ tịch và các PCT. UBND tỉnh;
- Các Sở: KHĐT; Công thương;
- Cục Thống kê tỉnh;
- UBND các huyện, TX, TP;
- Phòng NN và PTNT các huyện;
Phòng Kinh tế TX, TP;
- Lưu: VT, VP.

KT. GIÁM ĐỐC *Mh*
PHÓ GIÁM ĐỐC

Trần Văn Dũng

**BÁO CÁO SẢN XUẤT NÔNG, LÂM, DIỆM NGHIỆP VÀ THỦY SẢN
THÁNG 10 NĂM 2021**

(Ước tính đến ngày 15/10/2021)



ST T	Chỉ tiêu	Đơn vị	Thực hiện cùng kỳ	Năm 2021			% so sánh với	
				Kế hoạch	UTH tháng 10	Ước TH 10 tháng	Cùng kỳ	Kế hoạch
A	SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP							
	TRỒNG TRỌT							
	Cây hàng năm							
	Tổng DT gieo trồng	Ha	249.777	245.996	23.252	255.693	102,37	103,94
	Tổng sản lượng	tấn	1.569.980	2.403.192	287.366	1.684.065	107,27	70,08
	Cây lương thực có hạt							
	Cây lúa	Ha	204.813	198.146	20.899	212.398	103,70	107,19
1.	Cây lúa	Ha	201.409	194.346	20.599	208.981	103,76	107,53
	Sản lượng	tấn	575.127	1.084.584	247.906	762.354	132,55	70,29
a	Lúa mùa 2020-2021							
	- Diện tích xuống giống	ha	2.263			1.340	59,21	
	- Diện tích thu hoạch	Ha	2.214			1.340	60,52	
	- Năng suất	Tạ/ha	39,39			48,29	122,58	
	- Sản lượng	tấn	8.722			6.471	74,19	
b	Vụ Đông Xuân							
	- Diện tích xuống giống	Ha	60.457	50.346		59.734	98,80	118,65
	- Diện tích thu hoạch	Ha	43.919	50.346		59.734	136,01	118,65
	- Năng suất	Tạ/ha	48,80	66,00		64,06	131,27	97,06
	- Sản lượng	tấn	214.319	332.284		382.643	178,54	115,16
c	Vụ Hè Thu							
	- Diện tích xuống giống	Ha	73.738	74.000		72.779	98,70	98,35
	- Diện tích thu hoạch	Ha	69.986	74.000	47.629	72.661	103,82	98,19
	- Năng suất	Tạ/ha	50,31	52,00	52,05	51,37	102,11	98,78
	- Sản lượng	tấn	352.086	384.800	247.906	373.240	106,01	97,00
d	Vụ Thu đông							
	- Diện tích xuống giống	Ha	64.951	70.000	20.599	75.128	115,67	107,33
	- Diện tích thu hoạch	Ha		70.000				-
	- Năng suất	Tạ/ha		52,50				-
	- Sản lượng	tấn		367.500				-
	Lúa mùa 2020-2021							
	- Diện tích xuống giống	ha	1.340		1.058	1.058	78,92	
	- Năng suất	Tạ/ha						
	- Sản lượng	tấn						
2.	Cây màu							
	Diện tích gieo trồng	Ha	48.368	51.650	2.653	46.711	96,57	90,44
	Diện tích thu hoạch	Ha	41.303	51.650	1.795	38.451	93,10	74,45
	Sản lượng thu hoạch	tấn	994.853	1.318.608	39.460	921.711	92,65	69,90
a	Màu lương thực							
	Cây bắp	Ha	5.582	6.170	480	5.516	98,81	89,40
	- Diện tích gieo trồng	Ha	3.404	3.800	300	3.416,90	100,38	89,92
	- Diện tích thu hoạch	"	2.911	3.800	121	2.597,42	89,22	68,35
	- Năng suất	Tạ/ha	56,55	55,00	52,10	52,70	93,19	95,82
	- Sản lượng	Tấn	16.463	20.900	632	13.688	83,14	65,49
	Khoai lang							
	+ Diện tích gieo trồng	Ha	1.117	1.250	99	1.140,30	102,12	91,22
	+ Diện tích thu hoạch	"	731	1.250	134	811,36	111,02	64,91
	+ Năng suất	Tạ/ha	178,21	162,00	163,10	163,32	91,65	100,81
	+ Sản lượng	Tấn	13.023	20.250	2.178	13.251	101,75	65,44



ST T	Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện cùng kỳ	Năm 2021			% so sánh với	
				Kế hoạch	UTH tháng 10	Ước TH 10 tháng	Cùng kỳ	Kế hoạch
	Khoai mì							
	+ Diện tích gieo trồng	Ha	656	670	55	591,60	90,20	88,30
	+ Diện tích thu hoạch	"	419	670	33	364,60	87,03	54,42
	+ Năng suất	Tạ/ha	162,67	175,00	163	157	96,76	89,94
	+ Sản lượng	Tấn	6.815	11.725	538	5.739	84,21	48,95
	Cây có củ khác							
	+ Diện tích gieo trồng	Ha	406	450	26,1	367,10	90,44	81,58
	+ Diện tích thu hoạch	"	277	450	11	214,40	77,31	47,64
	+ Năng suất	Tạ/ha	159,51	156,00	163	157,40	98,68	100,90
	+ Sản lượng	Tấn	4.424	7.020	179	3.375	76,28	48,07
b	Cây thực phẩm	Ha	30.098	31.980	1.430	28.638	95,15	89,55
	Rau các loại							
	+ DT gieo trồng	Ha	29.639	31.500	1.413	28.218,64	95,21	89,58
	+ Diện tích thu hoạch	"	26.168	31.500	950	24.368,6	93,12	77,36
	+ Năng suất	Tạ/ha	224,80	225,00	227,9	225,10	100,13	100,04
	+ Sản lượng	Tấn	588.267	708.750	21.651	548.537	93,25	77,40
	Đậu các loại							
	+ DT gieo trồng	Ha	459	480	17,64	419,60	91,41	87,42
	+ Diện tích thu hoạch	"	395	480	4	352,69	89,35	73,48
	+ Năng suất	Tạ/ha	18,34	18,50	17,8	17,81	97,11	96,27
	+ Sản lượng	Tấn	724	888	7	628	86,77	70,74
c	Cây công nghiệp hàng năm		12.688	13.500	742	12.557	98,97	93,02
	Đậu phộng							
	+ Diện tích gieo trồng	Ha	4.195	4.500	89	4.186,80	99,80	93,04
	+ Diện tích thu hoạch	"	3.864	4.500	310	3.875,4	100,29	86,12
	+ Năng suất	Tạ/ha	50,63	53,50	54,00	52,21	103,12	97,59
	+ Sản lượng	Tấn	19.564	24.075	1.674	20.234	103,42	84,04
	Mía							
	+ Diện tích trồng	Ha	1.664	1.200	6	1.329,40	79,88	110,78
	+ Diện tích thu hoạch	"	1.482	1.200	4	1.052,4	71,01	87,70
	+ Năng suất	Tạ/ha	878,80	1.000	906	903,70	102,83	90,37
	+ Sản lượng	Tấn	130.249	120.000	344	95.108	73,02	79,26
	Cây lác (cói)							
	+ Diện tích gieo trồng	Ha	2.321	2.500	173	2.282,60	98,35	91,30
	+ Diện tích thu hoạch	"	1.737	2.500	39	1.668,3	96,04	66,73
	+ Năng suất	Tạ/ha	119,60	120,00	109	109	91,30	91,00
	+ Sản lượng	Tấn	20.776	30.000	425	18.218	87,69	60,73
	Cây trồng khác							
	+ Diện tích gieo trồng	ha	4.507	5.300	473	4.758,50	105,57	89,78
	+ Diện tích thu hoạch	ha	3.318	5.300	190	3.146,3	94,82	59,36
	+ Sản lượng	Tấn	194.548	375.000	11.832	202.933	104,31	54,12
B	LÂM NGHIỆP							
	- DT rừng trồng tập trung	Ha	99	63	5	48	47,98	75,40
	- Chăm sóc rừng	Ha	338	310	-	282,71	83,56	91,20
	- DT giao khoán bảo vệ	Ha	5.107	3.290	-	3.290	64,42	100,00
C	THỦY SẢN							
1.	Tổng diện tích nuôi	Ha	59.469	57.600	1.641	54.608	91,82	94,80
1.1	Nuôi nước ngọt	"	2.992	4.200	344	3.443	115,09	81,98
	- Diện tích nuôi cá	"	2.205	2.900	323	1.787	81,02	61,60
	Trong đó: + Cá tra	"	11	60	3	16	140,43	26,17
	+ Cá lóc	"	496	430	53	494	99,64	114,88
	- Diện tích nuôi giáp xác	"	787	1.300	21	1.657	210,55	127,45
	Trong đó: tôm càng xanh	"	787	1.300	21	1.657	210,55	127,45

ST T	Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện cùng kỳ	Năm 2021			% so sánh với	
				Kế hoạch	UTH tháng 10	Ước TH 10 tháng	Cùng kỳ	Kế hoạch
	- Diện tích nuôi khác	"						
1.2.	Nuôi nước mặn, lợ	Ha	56.477	53.400	1.297	51.164	90,59	95,81
	- Diện tích nuôi giáp xác	"	56.227	51.500	1.297	50.694	90,16	98,44
	Trong đó: + Tôm sú	"	24.681	23.000	95	21.792	88,29	94,75
	+ Tôm thẻ CT	"	8.547	9.500	339	7.167	83,86	75,45
	+ Cua biển	"	23.000	19.000	864	21.735	94,50	114,39
	- Diện tích nuôi khác (nghêu - sò huyết)	"	250	1.900	-	470	188,00	24,74
4	Tổng sản lượng thủy sản	Tấn	198.517	237.580	19.574	186.423	93,91	78,47
4.1	Tổng sản lượng nuôi	Tấn	134.167	158.200	14.360	127.405	94,96	80,53
4.1.1	Nuôi nước ngọt	Tấn	63.517	79.700	6.169	55.570	87,49	69,72
	- Sản lượng cá	"	61.810	77.300	6.096	54.471	88,13	70,47
	Trong đó: + Cá tra	"	3.859	6.000	23	4.344	112,56	72,40
	+ Cá lóc	"	42.952	48.300	4.766	39.415	91,77	81,60
	- Sản lượng giáp xác	"	1.707	2.400	74	1.099	64,36	45,78
	Trong đó: tôm càng xanh	"	1.707	2.400	74	1.099	64,36	45,78
	- Sản lượng thủy sản khác	"						
4.1.2	Nuôi nước mặn, lợ	Tấn	70.650	78.500	8.190	71.836	101,68	91,51
	- Sản lượng tôm nuôi	"	69.544	69.300	7.410	64.110	92,19	92,51
	Trong đó: + Tôm sú	"	12.601	12.500	1.177	11.715	92,97	93,72
	+ Tôm thẻ CT	"	50.876	56.800	6.234	52.395	102,99	92,25
	+ Nuôi cua biển	"	6.067	7.000	591	6.046	99,65	86,37
	- Sản lượng thủy sản khác (nghêu - sò huyết)	"	1.106	2.200	189	1.680	151,97	76,36
4.2	Tổng sản lượng khai thác	Tấn	64.351	79.380	5.214	59.018	91,71	74,35
4.2.1	Khai thác biển	Tấn	57.594	71.500	4.830	53.188	92,35	74,39
	- Sản lượng cá khai thác	Tấn	32.427	40.000	2.648	26.172	80,71	65,43
	- Sản lượng giáp xác khai thác	Tấn	4.365	6.000	358	4.312	98,77	71,86
	- SL hải sản khác khai thác	"	20.801	25.500	1.825	22.704	109,15	89,04
4.2.2	Khai thác nội địa	Tấn	6.757	7.880	383	5.830	86,28	73,99
	- Sản lượng cá các loại	"	1.516,0	1.850	98	1.555	102,60	84,08
	- Sản lượng tôm các loại	"	554,0	630	29	640	115,46	101,53
	- Sản lượng thủy sản khác	"	4.687,0	5.400	256	3.635	77,56	67,32